

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 108/2024/HNGĐ-ST

Ngày 06/12/2024

“V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

* **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành.**

- **Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Gia Khải**

2. Bà Phạm Thị Loan

* **Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu – Thư ký Tòa án.**

* **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tham gia phiên
tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.**

Trong ngày 06 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 173/2024/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 10 năm 2024, về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2024/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 10 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 67/2024/QĐST-HNGĐ ngày ngày 15 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn: Chị Lê Thị N**, sinh năm 1989

* **Bị đơn: Anh Trần Viết C**, sinh năm 1987

Đều có địa chỉ: Thôn M, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn T**, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

(*Chị N, anh C và anh T có đơn xin xét xử vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn đề nghị xác định cha cho con ngày 13/8/2024 và Bản tự khai ngày 04/10/2024 và Biên bản hòa giải ngày 30/10/2024, chị Lê Thị N nguyên đơn trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn năm 2008, tuy nhiên do cuộc sống vợ chồng chung sống không có hạnh phúc. Năm 2024, chị và anh T đã làm thủ ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải tại Tòa án số 41 ngày 08/8/2024 của TAND huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa. Trong thời kỳ hôn nhân với anh T, chị có

phát sinh tình cảm với anh Trần Việt C và có 03 con chung với anh C là: Trần Lê Bảo A, sinh ngày 08/11/2017; Trần Anh M, sinh ngày 23/10/2018 và Trần Lê Thanh T1, sinh ngày 15/6/2020. Nay chị đề nghị Tòa án xác định Trần Lê Bảo A, Trần Anh M, và Trần Lê Thanh T1 là con chung của chị với anh Trần Việt C.

Hiện tại chị và anh C đã làm thủ tục đăng ký kết hôn ngày 12/8/2024 tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

2. Tại bản tự khai ngày 04/10/2024, anh Trần Việt C bị đơn trình bày: Anh và chị N có quan hệ tình cảm và đã sinh 03 con chung là Trần Lê Bảo A, sinh ngày 08/11/2017; Trần Anh M, sinh ngày 23/10/2018 và Trần Lê Thanh T1, sinh ngày 15/6/2020. Nay anh đề nghị Tòa án xác định Trần Lê Bảo A, Trần Anh M, và Trần Lê Thanh T1 là con chung của anh với chị Lê Thị N.

Hiện tại anh và chị N đã làm thủ tục đăng ký kết hôn ngày 12/8/2024 tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

3. Tại bản tự khai ngày 15/11/2024, anh Nguyễn Văn T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Anh và chị Lê Thị N có đăng ký kết hôn năm 2008 tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn, chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình sinh sống và vợ chồng cũng ly thân từ đó. Năm 2024, anh và chị N đã làm thủ ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải tại Tòa án số 41 ngày 08/8/2024 của TAND huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Tại Quyết định công nhận thuận tình của Tòa án anh và chị N xác định có 03 con chung là: Nguyễn Lê Hoàng A1, sinh ngày 22/7/2008; Nguyễn Lê Trúc L, sinh ngày 15/8/2012 và Nguyễn Lê Khánh L1, sinh ngày 14/7/2016, chị N nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Lê Trúc L và Nguyễn Lê Khánh L1, anh nuôi dưỡng con chung Nguyễn Lê Hoàng A1. Ngoài ra, vợ chồng không có con chung nào khác.

Nay chị N có đơn yêu cầu xác định cha cho con đối với các cháu Trần Lê Bảo A, sinh ngày 08/11/2017; Trần Anh M, sinh ngày 23/10/2018 và Trần Lê Thanh T1, sinh ngày 15/6/2020 là con chung của chị N và anh Trần Việt C. Anh đề nghị Tòa án căn cứ vào kết quả trưng cầu giám định ADN giữa anh C và các cháu để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Anh xác định trong thời gian ly thân anh và chị N không gặp nhau, không quan hệ vợ chồng nên các cháu Trần Lê Bảo A, sinh ngày 08/11/2017; Trần Anh M, sinh ngày 23/10/2018 và Trần Lê Thanh T1, sinh ngày 15/6/2020 không phải con chung của anh và chị N.

Anh đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và các văn bản tố tụng nhưng do công việc của anh bận mãi anh không thể đến Tòa án làm việc trực tiếp nên anh có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tòa án đã gửi đầy đủ các tài liệu tố tụng cho anh Nguyễn Văn T và anh T đã có bản tự khai và có đơn xin xét xử vắng mặt nên không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn của chị Lê Thị N xử xác định 03 cháu Trần Lê Bảo A, sinh ngày 08/11/2017; Trần Anh M, sinh ngày 23/10/2018 và Trần Lê Thanh T1, sinh ngày 15/6/2020 là con chung của chị Lê Thị N và anh Trần Việt C

+ Về án phí: Miễn án phí cho chị Lê Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét toàn bộ các tài liệu chứng cứ và ý kiến của các đương sự tại lời khai, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình nên căn cứ vào các Điều 28; 35; 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân huyện Q giải quyết là đúng pháp luật.

- Tại phiên tòa ngày 15/11/2024, anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự hoãn phiên tòa lần thứ nhất.

- Tại phiên tòa ngày 06/12/2024, chị Lê Thị N, anh Trần Việt C1 và anh Nguyễn Văn T đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị N, anh C1 và anh T.

[2] Về nội dung: Chị Lê Thị N và anh Nguyễn Văn T kết hôn năm 2008, có đăng ký tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn, chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình sinh sống và vợ chồng cũng ly thân từ đó. Năm 2024, anh và chị N đã làm thủ ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải tại Tòa án số 41 ngày 08/8/2024 của TAND huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa. Tại Quyết định công nhận thuận tình của Tòa án anh và chị N xác định có 03 con chung là: Nguyễn Lê Hoàng A1, sinh ngày 22/7/2008; Nguyễn Lê Trúc L, sinh ngày 15/8/2012 và Nguyễn Lê Khánh L1, sinh ngày 14/7/2016, chị N nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Lê Trúc L và Nguyễn Lê Khánh L1, anh nuôi dưỡng con

chung Nguyễn Lê Hoàng A1. Ngoài ra, chị N và anh T không có con chung nào khác.

Trong quá trình sống ly thân chị N có phát sinh quan hệ tình cảm với anh Trần Viết C1 và có 03 con chung với anh C1 là: Trần Lê Bảo A, sinh ngày 08/11/2017; Trần Anh M, sinh ngày 23/10/2018 và Trần Lê Thanh T1, sinh ngày 15/6/2020. Nay chị N, anh C1 đề nghị Tòa án xác định Trần Lê Bảo A, Trần Anh M, và Trần Lê Thanh T1 là con chung của chị N và anh C1.

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, ngày 11/10/2024 Tòa án đã ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 01/2024/QĐ-TCGD, tại kết luận giám định ADN số: 242398GL/GĐ-ADN ngày 16/10/2024 của Viện công nghệ A2 và phân tích di truyền, kết luận: “Anh Trần Viết C có quan hệ huyết thống bố con với cháu Trần Lê Bảo A, độ tin cậy >99,9999%..; Anh Trần Viết C có quan hệ huyết thống bố con với cháu Trần Anh M, độ tin cậy >99,9999%..; Anh Trần Viết C có quan hệ huyết thống bố con với cháu Trần Lê Thanh T1, độ tin cậy >99,9999%..”.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định các cháu Trần Lê Bảo A, sinh ngày 08/11/2017; Trần Anh M, sinh ngày 23/10/2018 và Trần Lê Thanh T1, sinh ngày 15/6/2020 là con chung của chị N và anh C.

[5] Về chi phí tố tụng và án phí.

- Về chi phí tố tụng: Chị Lê Thị N tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định.

- Về án phí: Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lê Thị N.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 88, 100, 102, 69 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị N xác định các cháu Trần Lê Bảo A, sinh ngày 08/11/2017; Trần Anh M, sinh ngày 23/10/2018 và Trần Lê Thanh T1, sinh ngày 15/6/2020 là con chung của chị Lê Thị N và anh Trần Viết C.

2. Về chi phí tố tụng và án phí:

- Về chi phí tố tụng: Chị Lê Thị N tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định.

- Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lê Thị N.

Quyền kháng cáo: Chị Lê Thị N, anh Trần Việt C và anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Các đương sự;
- UBND xã Q;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Văn Thành